

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tuấn và bà Lương Bích Diệp

-Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2022/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Ngọc A, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Khu Pò Mực, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Khu C, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn B, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu P, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/8/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 19/8/2003. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, tuy nhiên được khoảng 01 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh Nông Văn B uống rượu say về thường hay nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với

người khác, chửi bới, gây sự khiến 02 vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Giữa chị và anh Nông Văn B gần như ngày nào cũng cãi nhau vì anh Nông Văn B thường xuyên uống rượu về lại chửi bới chị, chị cũng đã nhờ gia đình tác động, giải thích cho anh Nông Văn B hiểu công việc của chị cũng như chị không có quan hệ với ai, nhưng anh Nông Văn B vẫn gây sự với chị. Nhiều lúc chị và anh Nông Văn B có xảy ra xô xát nhưng không bị thương tích nên chị cũng không báo chính quyền địa phương giải quyết. Khoảng 01 năm nay mặc dù sống chung nhà nhưng chị và anh Nông Văn B đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không hỏi han nhau. Nay chị xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị được ly hôn với anh Nông Văn B.

Về con chung: Có 03 con chung tên là cháu Nông Thị Thanh T, sinh ngày 26/12/2003; cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017. Cháu Nông Thị Thanh T đã trưởng thành, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu gì. Các cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 đều đang sống cùng chị và anh Nông Văn B, anh Nông Văn B có nhà ở ổn định, chị thì chưa có nhà, đang đi thuê trọ, anh Nông Văn B cũng có nghề nghiệp làm lái xe, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị cũng hỗ trợ nuôi các con là 3.000.000 đồng/tháng/con và hỗ trợ thêm nữa theo nhu cầu cần thiết cho các cháu, do đó chị yêu cầu khi ly hôn anh Nông Văn B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, hàng tháng chị cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nông Văn B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai được.

Cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 (đủ 07 tuổi) trình bày: Cháu có nguyện vọng nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn sống cùng bố cháu là Nông Văn B, việc cháu trình bày như vậy là tự nguyện, không ai ép buộc.

Tiến hành xác minh tại nơi cư trú, trưởng khu Pò Mực thông tin như sau: Anh Nông Văn B hiện nay có chỗ ở ổn định, làm lái xe, có thu nhập và có đủ khả năng để nuôi các cháu vì các con chung đã tự chăm sóc được bản thân. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B khu không nắm được vì gia đình không thông báo và yêu cầu khu giải quyết.

Tòa án xác minh, làm việc với cháu Nông Thị Thanh T con của chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B, được thông tin như sau: Bố mẹ cháu gần như ngày nào cũng cãi chửi nhau, bố cháu thường xuyên đi uống rượu về gây sự với mẹ cháu. Bố mẹ cháu sống không hạnh phúc vì cháu thấy ngày nào cũng cãi chửi nhau, không quan tâm đến nhau, việc bố mẹ cháu ly hôn là do bố mẹ cháu tự quyết định, cháu không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định từ Điều 239 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Hoàng Ngọc Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn B. Anh Nông Văn B không có ý kiến gì, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Ngọc A. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hoàng Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nông Văn B.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B có 03 con chung là Nông Thị Thanh T, sinh ngày 26/12/2003; Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017. Cháu Nông Thị Thanh T đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đề nghị xem xét giải quyết. Đối với cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 từ khi ly thân đều chung sống chung nhà với chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B, chị Hoàng Thị Ngọc A yêu cầu khi ly hôn anh Nông Văn B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi. Hàng tháng chị Hoàng Thị Ngọc A cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú, anh Nông Văn B có chỗ ở, có nghề nghiệp là lái xe, có thu nhập, mặt khác con chung là cháu Nông Hoàng Đ có nguyện vọng được sống cùng anh Nông Văn B, hàng tháng chị Hoàng Thị Ngọc A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung là 3.000.000 đồng/tháng/con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 cho anh Nông Văn B là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 của chị Hoàng Thị Ngọc A hàng tháng mỗi con là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết và nợ chung không có do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa mở lần 2, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nông Văn B, cư trú tại khu Pò Mực, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2003, đăng ký ngày 19/8/2003, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn là chị Hoàng Thị Ngọc A xác định vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm, anh Nông Văn B thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ ngoài luồng, chị và anh Nông Văn B đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn anh Nông Văn B đã nhận được văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì, không thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng với cháu Nông Thị Thanh T, là con chung của chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B, cháu Nông Thị Thanh T cũng xác nhận giữa chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B có mâu thuẫn cãi chửi nhau thường xuyên, sống không hạnh phúc. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B có 03 con chung là cháu Nông Thị Thanh T, sinh ngày 26/12/2003; cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017. Cháu Nông Thị Thanh T đã trưởng thành, phát triển bình thường nên chị Hoàng Thị Ngọc A không yêu cầu gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 từ khi ly thân đều chung sống cùng nhà với chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Nông Văn B, chị Hoàng Thị Ngọc A yêu cầu khi ly hôn anh Nông Văn B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi. Hàng tháng chị Hoàng Thị Ngọc A cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú, anh Nông Văn B có chỗ ở, có nghề nghiệp là lái xe, có thu nhập, mặt khác con chung là cháu Nông Hoàng Đ có nguyện vọng được sống cùng anh Nông Văn B, hàng tháng chị Hoàng Thị Ngọc A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/con. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 cho anh Nông Văn B là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 của chị Hoàng Thị Ngọc A hàng tháng mỗi con là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ ngày xét xử (14/9/2022) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết; nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nông Văn B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2003, đăng ký ngày 19/8/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn)

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 07/4/2009 và cháu Nông Tuấn T, sinh ngày 30/4/2017 cho anh Nông Văn B là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi con là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con từ ngày xét xử (14/9/2022) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được Thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lại suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích con chung, các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con sau này. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị Ngọc A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước. Chị Hoàng Thị Ngọc A đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005172 ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Hoàng Thị Ngọc A phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai

